

HỘ KINH DOANH NGUYỄN VĂN TỨ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN:**

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÃI TẬP KẾT CÁT, SỎI TẠI KHU PHỐ 1,
PHƯỜNG AN ĐÔN, THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**

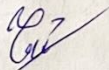
QUẢNG TRỊ, NĂM 2023

HỘ KINH DOANH NGUYỄN VĂN TỨ

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN:**

**ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÃI TẬP KẾT CÁT, SỎI TẠI KHU PHỐ 1,
PHƯỜNG AN ĐÔN, THỊ XÃ QUẢNG TRỊ**

CHỦ DỰ ÁN



Nguyễn Văn Tứ

QUẢNG TRỊ, NĂM 2023

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Ký hiệu	Diễn giải
1	BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
2	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
3	CTR	Chất thải rắn
4	CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
5	CTNH	Chất thải nguy hại
6	CP	Chính phủ
7	QĐ	Quyết định
8	NĐ	Nghị định
9	MT	Môi trường
10	NXB	Nhà xuất bản
11	PCCC	Phòng cháy chữa cháy
12	QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
13	QCKTQG	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia
14	TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
15	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
16	UBND	Ủy ban nhân dân
17	WHO	Tổ chức y tế thế giới

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	1
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH	4
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5
1.1. Tên chủ dự án đầu tư	5
1.2. Tên dự án đầu tư	5
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	6
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	7
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	8
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	8
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	8
CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	10
3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	10
3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	13
3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:	17
CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ.....	20
MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	20
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	20
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành.....	22
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	28
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo.....	28
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG ..	30
5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	30
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	31
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	31

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật	31
CHƯƠNG VII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	32
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	33
PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	33

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới Dự án	5
Bảng 3.1. Dữ liệu môi trường không khí và tiếng ồn năm 2022.....	10
Bảng 3.2. Chất lượng môi trường nước mặt tại sông Thạch Hãn	11
Bảng 3.3. Nhiệt độ trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: °C).....	13
Bảng 3.4. Độ ẩm trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: %).....	14
Bảng 3.5. Số giờ nắng các tháng trong năm (Đơn vị: giờ).....	14
Bảng 3.6. Lượng mưa trung bình của các tháng qua các năm (Đơn vị: mm)	15
Bảng 3.7. Dữ liệu chất lượng môi trường không khí khu vực dự án	18
Bảng 3.8. Bảng dữ liệu chất lượng môi trường nước mặt tại sông Thạch Hãn.....	18
Bảng 4.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	28
Bảng 4.2. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp	29
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm.....	30

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình hoạt động của dự án	6
Hình 3.1. Số lượng bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến tỉnh Quảng Trị	16
Hình 4.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải bãi tập kết	22
Hình 4.2 Mô hình bể tự hoại 3 ngăn.....	24

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên chủ dự án đầu tư

- Tên Chủ dự án: Hộ ông Nguyễn Văn Tứ.
- Địa chỉ: 225 Ngô Quyền, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: Ông Nguyễn Văn Tứ.
- Điện thoại: 0962.224.424.
- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30B8002558; Phòng tài chính kế hoạch thị xã Quảng Trị cấp ngày 27/10/2017.
- Ngành nghề kinh doanh: Khai thác và buôn bán các loại cát sạn.

1.2. Tên dự án đầu tư

- Tên Dự án: Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.
- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Thuộc khu quy hoạch bãi tập kết cát sỏi dọc bờ sông Thạch Hãn thị xã Quảng Trị, khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, có vị trí tiếp giáp như sau:
 - + Phía Bắc giáp: Bãi cát sỏi của ông Lê Quang Đạo;
 - + Phía Nam giáp: Bãi cát sỏi của công ty Thiên Phú;
 - + Phía Đông giáp: Hành lang an toàn đường sông Thạch Hãn;
 - + Phía Tây giáp: Đất của nhân dân trồng hoa màu.
- Có tọa độ ranh giới dự án như sau:

Bảng 1.1. Tọa độ ranh giới Dự án

Điểm góc	X (m)	Y (m)
1	1.850.994.04	598.837.81
2	1.851.037.37	598.854.57
3	1.851.018.64	598.902.11
4	1.850.979.53	598.885.74

- Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư: UBND tỉnh Quảng Trị đã có Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 14/7/2023 về chấp thuận Chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

- Quy mô của dự án đầu tư:
 - + Dự án Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị có tổng diện tích đất thực hiện: 2.243 m².
 - + Tổng mức đầu tư của dự án: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).
 - + Dự án thuộc Nhóm C (theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

Dự án Nhóm C có cấu phần xây dựng được phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, có phát sinh nước thải, bụi, khí thải, phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi thải ra môi trường; không

thuộc đối tượng nhạy cảm về môi trường, là dự án đầu tư quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 28 Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ nên Dự án thuộc đối tượng tại mục 2, II, Phụ lục V, các dự án đầu tư Nhóm III ít có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường. Do đó Dự án thuộc đối tượng lập Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền UBND thị xã Quảng Trị cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

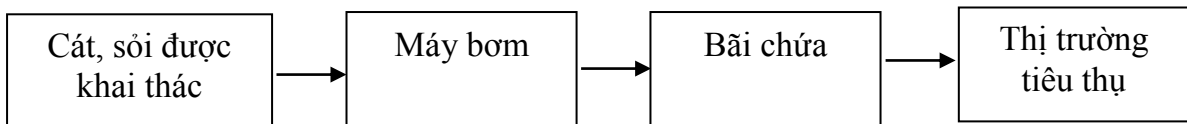
1.3.1. Công suất của dự án đầu tư

Dự án Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị sau khi xây dựng hoàn thiện và đi vào hoạt động với kinh doanh cát, sỏi với quy mô hoạt động như sau:

- Quy mô sử dụng đất: 2.243 m².
- Các hạng mục xây dựng chính:
 - + Đường bê tông xi măng 800m².
 - + Bể nước chữa cháy 30m².
 - + Nhà vệ sinh 20m².
- Tổng quy mô diện tích xây dựng 850m², mật độ xây dựng 34%.
- Quy mô cán bộ công nhân viên: 05 người.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

Quy trình hoạt động của bãi tập kết cát, sỏi tại khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị có quy trình hoạt động như sau:



Hình 1.1. Quy trình hoạt động của dự án

Cát, sỏi sau khi khai thác được thuyền chở đến bến, tại bến thuyền neo đậu và thực hiện bơm cát, sỏi lên trên bãi chứa. Cát, sỏi tại bãi chứa sau khi tháo khô nước tiếp tục được cẩu xúc cát, sỏi lên xe tải, sau đó được vận chuyển bán cho các cơ sở có nhu cầu thuộc địa bàn trong tỉnh và các tỉnh lân cận.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nguyên, nhiên, vật liệu sử dụng của dự án

* Đối với giai đoạn thi công xây dựng:

- Trong giai đoạn thi công có sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất, các loại vật liệu xây dựng chính, phụ đều được tập hợp từ các đại lý trên địa bàn thị xã Quảng Trị nên việc cung ứng vật liệu cho dự án là thuận lợi, cụ thể:

+ Gạch xây, gạch lát, xi măng, thép xây dựng, ống cống bê tông: Mua tại các đại lý trên địa bàn thị xã Quảng Trị;

+ Cát, sỏi: Tự cung cấp.

+ Xăng dầu phục vụ máy móc thi công được mua tại các cây xăng trên địa bàn.

* *Đối với giai đoạn vận hành:*

- Khi đi vào vận hành, Dự án không sử dụng đến vật liệu bổ sung.

- Chỉ sử dụng nhiên liệu là xăng dầu phục vụ máy móc thi công được mua tại các cây xăng trên địa bàn.

- Nguyên liệu: Cát, sỏi được thu mua từ các điểm mỏ khai thác trên địa bàn.

Được vận chuyển bằng thuyền theo đường sông, được tập kết về bãi tập kết và bán dần khi có khách hàng.

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

* *Nhu cầu sử dụng điện:*

- Điện năng được sử dụng cho các mục đích: thi công, chiếu sáng, bơm nước, sinh hoạt...

- Hệ thống cấp điện: Sử dụng nguồn điện hạ thế phục vụ dân sinh dọc tuyến đường Bạch Đằng, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị.

* *Nhu cầu sử dụng nước:*

- Nhu cầu nước sinh hoạt: Một người sử dụng khoảng 100 lít nước mỗi ngày, do đó, lượng nước cấp cho sinh hoạt được tính toán như sau: 5 người \times 100 lít/người/ngày = 0,5 m³/ngày.

- Hệ thống cấp nước: Chủ Dự án sẽ tiến hành khoan giếng ở khu vực bãi tập kết để lấy nước cung cấp cho Dự án.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

- Mục tiêu dự án: Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi nhằm tập kết, bảo quản, cung cấp các loại cát, sỏi đáp ứng nhu cầu về vật liệu, xây dựng, san lấp trong và ngoài tỉnh, đồng thời góp phần giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động, tăng nguồn thu nộp Ngân sách nhà nước; có điều kiện để tham gia các hoạt động xã hội, góp phần phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

- Hình thức quản lý Dự án: Chủ dự án là ông Nguyễn Văn Tứ trực tiếp quản lý Dự án.

- Thời gian hoạt động của Dự án là 50 năm, kể từ ngày được cấp chủ trương đầu tư.

- Tiến độ thực hiện dự án:

+ Quý II/2023: Thực hiện thủ tục về đầu tư.

+ Quý III/2023 – Quý IV/2023: Thực hiện thủ tục về đất đai, khai thác.

+ Quý I/2024: Hoàn thành dự án đi vào hoạt động.

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

** Dự án Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị phù hợp với các quy hoạch sau đây:*

- Dự án phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 12/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của thị xã Quảng Trị, trong đó có dự án Bãi tập kết cát sỏi An Đôn.

- Dự án đầu tư bãi tập kết cát sỏi của hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ, đề xuất triển khai tại khu quy hoạch Bãi tập kết cát sỏi tập trung tại phường An Đôn phù hợp với Quy hoạch, kế hoạch phát triển KT- XH của thị xã, phù hợp với quy hoạch phân khu phường An Đôn.

- Dự án phù hợp Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 công trình bãi tập kết cát sạn phường An Đôn đã được UBND thị xã Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 và Phê duyệt điều chỉnh, mở rộng tại Quyết định số 2264/QĐ-UBND ngày 21/12/2016.

- Việc đầu tư xây dựng bãi tập kết cát sỏi phường An Đôn, thị xã Quảng Trị của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ trên cơ sở Quy hoạch chi tiết đã được UBND thị xã Quảng Trị phê duyệt, nhằm di dời các bãi tập kết về địa điểm tập kết tập trung là thuận lợi cho việc quản lý, đầu tư cơ sở hạ tầng, đáp ứng nhu cầu về vật liệu xây dựng trên địa bàn.

- Khu đất thực hiện dự án có vị trí thuận tiện về giao thông, có điều kiện kinh tế xã hội phù hợp, thuận lợi cho việc chuyên chở cung ứng nguyên liệu xây dựng dự án.

** Mọi quan hệ của dự án với các dự án khác:*

- Cách Quốc lộ 1A khoảng 1,6Km, đây sẽ là thuận lợi cho việc thi công cũng như hoạt động của dự án khi vận hành.

- Dự án giáp sông Thạch Hãn thuận lợi cho việc vận chuyển cát, sỏi từ mỏ về bãi tập kết.

- Dự án cách khu dân cư gần nhất khoảng 110m về phía Tây, cách UBND phường An Đôn khoảng 370m về phía Tây Bắc, cách tượng đài Mai Quốc Ca khoảng 1,1Km.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường.

- Dự án giáp với sông Thạch Hãn ở phía Đông nên toàn bộ nước thải phát sinh của dự án sau khi được xử lý chảy vào nguồn tiếp nhận là sông Thạch Hãn.

- Theo kết quả khảo sát, sông Thạch Hãn có nước quanh năm, Lưu lượng dòng chảy thay đổi theo mùa rõ rệt, phụ thuộc khá rõ nét theo đặc điểm khí tượng

trong vùng. Chế độ dòng chảy hàng năm chia ra hai mùa rõ rệt, mùa mưa và mùa khô:

+ Mùa mưa: Bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 01 năm sau, tập trung chủ yếu vào tháng 10, 11. Đặc biệt trong 2 tháng này xuất hiện nhiều đợt lũ lụt gây thiệt hại to lớn cho nhân dân sinh sống ở hai bên bờ sông và vùng hạ du. Tổng lượng dòng chảy trong mùa mưa chiếm gần 68% tổng lượng dòng chảy trong năm.

+ Mùa khô: Mùa khô kéo dài 8 tháng bắt đầu từ tháng 2 và kết thúc vào tháng 9 hàng năm. Trong thời gian mùa khô, nhất là các tháng giữa mùa khô (tháng 2-7), lượng mưa thường ít, do đó nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là từ nước ngầm và lượng nước lưu trữ trong lưu vực và lòng sông. Vì vậy, trong thời gian mùa khô, mực nước sông thấp, thay đổi chậm, lưu lượng nước sông nhỏ. Tổng lượng dòng chảy trong mùa khô chiếm 32% tổng lượng dòng chảy cả năm. Ba tháng liên tục có dòng chảy nhỏ nhất là tháng 6 - 8, chỉ chiếm có 7,62% tổng lượng dòng chảy cả năm, trong đó tháng 7 là tháng có lưu lượng dòng chảy nhỏ nhất, chiếm 2,18% tổng lượng dòng chảy cả năm. Lưu lượng nhỏ nhất trong năm có thể xuất hiện vào các tháng giữa đến cuối mùa khô (từ tháng 4-9).

Mục đích sử dụng nước sông Thạch Hãn là cấp nước tưới tiêu.

- Các thông số để đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước là COD, BOD₅, TSS, Tổng dầu mỡ.

- Nguồn nước thải của dự án là tương đối nhỏ và đã được lọc, lắng trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

CHƯƠNG III. HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

3.1.1. Dữ liệu hiện trạng môi trường

a. Dữ liệu hiện trạng môi trường không khí

Tham khảo số liệu hiện trạng môi trường trong Báo cáo tổng hợp kết quả Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022, tại Điểm K11-Giao giữa đường Trần Hưng Đạo và Quốc lộ 1A, thị xã Quảng Trị (Cách khu vực dự án 1km về phía Đông Bắc) do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện cho kết quả như sau:

Bảng 3.1. Dữ liệu môi trường không khí và tiếng ồn năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích						QCVN 05: 2013/BTNMT (TB 1 giờ)
			K51 (Năm 2022)						
			T1	T3	T5	T7	T9	T11	
1	Nhiệt độ	°C	22,4	27,8	29,9	32,3	31,3	27,5	-
3	Độ ẩm	%	80	77	77	67	63	63	-
2	Tốc độ gió	m/s	1,5	1,2	1,3	1,4	1,6	1,3	-
4	Bụi	µg/m ³	319	276	337	260	256	221	300
5	CO	µg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	30.000
6	NO ₂	µg/m ³	16	27	25	17	14	25	200
7	SO ₂	µg/m ³	20	30	9	18	17	23	350
8	Tiếng ồn	dBA	69,1	71,6	69,5	68,0	67,3	68,9	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- Thời điểm quan trắc: (ký hiệu T1, T3, T5, T7, T9, T11 ứng với các tháng 1, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 9 và tháng 11 trong năm 2022).

- QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 - 21 giờ)

Nhận xét: Qua bảng 3.1 cho thấy: Các chỉ tiêu đánh giá hiện trạng chất lượng không khí và tiếng ồn tại các thời điểm đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT. Một số thời điểm thông số bụi và tiếng ồn cao vượt quá giới hạn quy định.

Nhìn chung, chất lượng không khí, mức ồn trong và lân cận khu vực Dự án chưa bị ô nhiễm, tuy nhiên do vị trí quan trắc nằm tại thị xã Quảng Trị, đã bắt đầu bị tác động nhiều bởi các hoạt động giao thông và sản xuất kinh doanh ngày càng phát triển tại khu vực này.

b. Dữ liệu về môi trường nước mặt

Tham khảo số liệu hiện trạng môi trường trong Báo cáo tổng hợp kết quả Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022, tại Điểm TH4 (Cách trung tâm thị xã Quảng Trị 2 km về hạ lưu) do Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thực hiện cho kết quả như sau:

Bảng 3.2. Chất lượng môi trường nước mặt tại sông Thạch Hãn

TT	Thông số	ĐVT	TH4 - Năm 2022						QCVN 08-MT:2015/BTNMT			
			T2	T3	T5	T7	T9	T10	A1	A2	B1	B2
1	Nhiệt độ	°C	21,7	21,5	26,9	29,6	26,8	27,2	-	-	-	-
2	pH	-	6,6	6,2	7,2	7,3	6,8	6,4	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
3	TSS	mg/l	5,2	4,2	5,4	5,0	5,4	11,4	20	30	50	100
4	DO	mg/l	6,5	6,1	6,4	6,1	6,1	6,1	≥ 6	≥ 5	≥ 4	≥ 2
5	BOD ₅	mg/l	1,9	1,8	1,9	2,0	1,5	1,8	4	6	15	25
6	COD	mg/l	7	7	11	9	9	19	10	15	30	50
7	NH ₄ -N	mg/l	0,09	0,06	KPH	KPH	KPH	0,08	0,1	0,2	0,5	1
8	NO ₃ -N	mg/l	0,23	0,37	0,34	0,08	0,17	0,54	2	5	10	15
9	PO ₄ -P	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,1	0,2	0,3	0,5
10	Fe	mg/l	0,16	0,35	0,328	0,15	0,105	0,32	0,5	1,0	1,5	2,0
11	Florua	mg/l	KPH	0,36	0,3	0,4	KPH	0,3	1,0	1,5	1,5	2,0
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	0,3	0,5	1,0	1,0
13	E.Coli	MPN/100ml	11	9	45	24	24	8	20	50	100	200
14	Coliform	MPN/100ml	453	453	164	288	288	324	2.500	5.000	7.500	10.000

Ghi chú:

- Thời điểm quan trắc: (ký hiệu T2, T3, T5, T7, T9, T10 ứng với các tháng 2, tháng 3, tháng 5, tháng 7, tháng 9 và tháng 10 trong năm 2022).

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

- Việc phân hạng nguồn nước mặt nhằm đánh giá và kiểm soát chất lượng nước, phục vụ cho các mục đích sử dụng nước khác nhau:

+ A1: Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1 và B2.

+ A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2.

+ B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

+ B2: *Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.*

+ KPH: *Không phát hiện.*

+ (-) *Quy chuẩn không quy định.*

Nhận xét: Kết quả dữ liệu chất lượng nước mặt trong bảng trên cho thấy: Hầu hết các chỉ tiêu chất lượng nước mặt trên sông Thạch Hãn đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT, một số chỉ tiêu như TSS, DO, COD, BOD5, Amoni, Nitrat, Phosphat, Sắt, Tổng dầu mỡ đảm bảo quy định ở Cột A1, A2. Nhìn chung, chất lượng nước mặt sông Thạch Hãn vẫn còn tương đối tốt, chất lượng nước mặt của sông đảm bảo cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi và các mục đích khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự.

3.1.2. Hiện trạng tài nguyên sinh vật

a. Thực vật

* *Hệ thực vật trên cạn:*

Qua khảo sát thực tế cho thấy diện tích tại khu vực dự án đã được giải phóng mặt bằng từ 2016 để làm bãi tập kết nên hạn chế các loại thực vật, chỉ có một số ít là các loại cây bụi, cỏ bụi tự nhiên.

* *Hệ thực vật dưới nước:*

- Thực vật dưới nước bao gồm các nhóm sinh vật nổi như tảo lam, tảo silic, tảo lục. Thực vật đáy sông Thạch Hãn tương đối nghèo, các loài ghi nhận được phần lớn là các loài thực vật thủy sinh sống chìm một phần hoặc chìm hoàn toàn trong nước như các loài ô rô gai, năng, cỏ chát, rong khét, rong bột...

b. Động vật

* *Động vật trên cạn:*

Kết quả điều tra, khảo sát trong và lân cận khu vực Dự án cho thấy, hiện nay không có các loài động vật quý hiếm nào thuộc sách đỏ Việt Nam và thế giới. Động vật chủ yếu có một số như: các loài thú (Chồn, chuột, dơi, sóc...); các loại chim (chào mào, sẻ, cắt, cú mèo, cu gáy, chèo bẻo, chim sâu...); các loài bò sát (rắn, thằn lằn, kỳ nhông...) và nhiều loại côn trùng khác (bướm, giun đất, rết, kiến, ong, các loài bọ cánh cứng...). Ngoài ra, còn có các loại vật nuôi của người dân như: trâu, bò, dê...

* *Động vật dưới nước:*

Qua khảo sát tham vấn ý kiến người dân trong khu vực cho thấy, các loại động vật dưới nước tại sông Thạch Hãn như: tôm, cá, các loại động vật lưỡng cư (ếch, nhái) với số lượng không lớn, điều này có thể giải thích do chịu sự tác động của người dân thông qua hoạt động đánh bắt.

Nhìn chung, hệ sinh thái khu vực Dự án hầu như không tồn tại các loại động vật quý hiếm nằm trong danh sách Đỏ của Việt Nam và thế giới.

3.2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

3.2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

** Đặc điểm địa lý:*

- Dự án: Thuộc khu quy hoạch bãi tập kết cát sỏi dọc bờ sông Thạch Hãn thị xã Quảng Trị, khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị, nằm trên đường quy hoạch 13m được đấu nối với đường Bạch Đằng (An Đôn – Thượng Phước).

** Đặc điểm địa hình, địa mạo:*

- Địa hình tương đối bằng phẳng, độ cao trung bình từ 5 - 8m so với mực nước biển, vùng này thường hay xảy ra hiện tượng ngập lụt theo chu kỳ, hàng năm có thể có nhiều đợt ngập lụt. Ở đây chủ yếu là đất phù sa được bồi hàng năm, nên có một số bất lợi cho việc xây dựng các công trình kiên cố lớn do phải xử lý móng và khảo sát địa chất trước khi xây dựng.

Tuy nhiên đây lại là vùng tương đối lý tưởng cho việc quy hoạch xây dựng đô thị nhỏ, do địa hình bằng phẳng kết hợp với các yếu tố tự nhiên xã hội khác như vị trí địa lý, sông ngòi, ao hồ, giao thông, quần thể di tích, dân cư... tạo nên một vùng trọng điểm trong giao lưu phát triển kinh tế - xã hội.

** Đặc điểm khí hậu, thủy văn*

Khu vực Dự án có mức chênh lệch nhiệt độ trong năm cao, nhiệt độ thấp nhất có thể xuống 12⁰C và cao nhất có thể lên đến 40⁰C. Nhiệt độ trung bình các năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.3. Nhiệt độ trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: °C)

Tháng\năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Bình quân năm	25,9	24,0	25,4	24,9	25,6	26,4	25,7	25,3	25,4	26,5	26,0
Tháng 1	20,9	16,8	18,7	19,3	18,5	19,4	20,8	21,2	19,8	20,2	22,1
Tháng 2	23,1	19,3	19,5	22,8	20,0	22,1	18,4	20,5	19,0	24,3	22,3
Tháng 3	23,8	18,3	22,2	24,3	22,6	25,5	21,9	23,5	22,7	25,4	25,4
Tháng 4	26,1	24,0	26,9	26,0	26,9	26,4	27,2	26,2	25,0	28,9	24,4
Tháng 5	29,8	27,6	29,7	29,1	30,4	31,7	29,3	28,0	29,0	29,9	30,0
Tháng 6	31,0	29,7	29,6	28,8	30,8	30,9	30,8	30,3	30,0	31,9	31,2
Tháng 7	30,2	29,5	29,2	28,3	30,0	28,8	30,0	28,6	28,8	30,5	30,6
Tháng 8	28,3	28,4	29,2	28,4	29,4	29,6	29,7	29,4	28,9	29,0	29,2
Tháng 9	28,0	27,2	26,7	26,6	28,5	29,3	28,5	28,8	28,4	26,8	29
Tháng 10	25,0	24,5	25,7	24,6	25,7	25,7	26,9	25,3	26,0	26,4	25,0
Tháng 11	22,9	23,9	25,1	23,1	24,9	26,0	24,4	22,3	24,5	23,7	23,6
Tháng 12	21,6	18,6	22,3	18,1	19,6	21,9	21,0	19,7	22,3	21,5	19,6

Nguồn: “Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2021”

b. Độ ẩm

Độ ẩm trung bình qua các năm từ 83-87%, các tháng có độ ẩm cao thường là các tháng mùa mưa. Vào mùa khô độ ẩm thấp hơn nhiều, đặc biệt vào thời kỳ có gió Tây Nam hoạt động, độ ẩm chỉ còn 67-68%. Độ ẩm trung bình các năm được thể hiện ở bảng sau:

Bảng 3.4. Độ ẩm trung bình các tháng qua các năm (Đơn vị: %)

Tháng\năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Bình quân năm	83	86	84	87	84	82	84,5	85,4	84	81	83
Tháng 1	90	89	92	89	87	87	91,2	91,8	92	92	91
Tháng 2	83	93	90	91	90	89	85,4	91,6	88	88	87
Tháng 3	83	91	90	91	91	87	89,4	90,3	89	88	88
Tháng 4	84	90	85	88	87	83	85,4	83,2	87	82	83
Tháng 5	77	82	74	80	74	69	79,9	83,6	78	76	77
Tháng 6	72	75	74	78	74	71	74,2	73,2	72	66	67
Tháng 7	73	74	76	83	75	77	76,0	80,2	77	68	69
Tháng 8	82	81	74	84	78	78	77,0	78,4	77	75	76
Tháng 9	81	85	89	89	82	79	83,4	83,0	82	85	84
Tháng 10	87	92	88	91	90	87	89,4	89,4	88	85	86
Tháng 11	89	90	91	93	91	88	89,5	92,3	89	86	87
Tháng 12	89	88	90	85	88	88	93,6	88,2	92	82	90

Nguồn: “Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2021”

c. Bức xạ mặt trời - số giờ nắng

Tổng bức xạ lớn nhất rơi vào các tháng mùa hạ, trung bình hàng năm đạt từ 128÷133Kcal/cm². Với số giờ nắng phân hóa không đều trong năm, những tháng mùa hạ thường có số giờ nắng cao gấp 2 đến 3 lần mùa đông. Số giờ nắng trong các tháng qua các năm được thể hiện như sau:

Bảng 3.5. Số giờ nắng các tháng trong năm (Đơn vị: giờ)

Tháng\năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Cả năm	1.744	1.372	1.689	1.545	1.869	2.039	1.742,6	1.677,0	1.804	2.100	2.155
Tháng 1	61	20	10	65	117	121	38,3	87,6	35	76	81
Tháng 2	101	86	53	86	98	99	71,1	94,6	67	178	179
Tháng 3	149	50	91	136	91	59	101,6	114	123	139	145
Tháng 4	130	108	182	149	177	202	191,5	173,9	175	239	246
Tháng 5	230	228	251	241	269	295	249,5	174	272	227	231
Tháng 6	252	209	163	222	213	272	251,8	255,6	173	283	291
Tháng 7	248	203	213	190	233	111	260,3	179,6	128	237	239
Tháng 8	169	193	204	171	194	239	203,8	212,9	170	145	149
Tháng 9	168	105	143	110	192	209	163,6	227,4	227	125	128
Tháng 10	77	64	169	95	133	170	128,3	81,7	209	233	238
Tháng 11	53	95	133	60	121	168	66,6	43,6	146	108	112

Tháng/năm	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Tháng 12	106	12	76	19	31	94	16,2	32,1	79	110	116

Nguồn: “Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2021”

d. Lượng mưa

Trong khu vực lượng mưa nhiều tập trung vào tháng 9 đến tháng 12 (chiếm từ 65-75% lượng mưa cả năm). Số ngày mưa phân bố không đều, số ngày mưa trong năm dao động từ 154 - 190 ngày, trong các tháng cao điểm trung bình mỗi tháng có 17 - 18 ngày mưa. Lượng mưa ngày lớn nhất trong vòng hơn 30 năm (1985 - 2020) có giá trị là 763,6mm (tại Trạm Hướng Linh ngày 17/10/2020). Lượng mưa bình quân nhiều năm là 2.382,26mm. Lượng mưa trung bình trong tháng qua các năm được thể hiện như sau:

Bảng 3.6. Lượng mưa trung bình của các tháng qua các năm (Đơn vị: mm)

Tháng/năm	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021
Cả năm	3.086,7	1.970,7	2.681,4	1.699,4	1.947,0	2.533,8	2.557,5	2315,4	2.166,1	3.558,0
Tháng 1	131,8	73,4	11,6	23,1	46,2	90,4	71,8	53,3	73,1	65,4
Tháng 2	9,6	23,2	35,3	17,7	39,9	37,8	78,3	38,2	3,9	7,3
Tháng 3	86,8	16,8	50,5	22,1	19,5	12,5	26,9	43,7	51,5	1,8
Tháng 4	42,5	90,1	61,0	29,6	158,9	89,2	35,9	139,0	0,5	44,5
Tháng 5	119,1	171,0	93,1	20,6	5,0	102,0	98,7	6,0	57,9	81,7
Tháng 6	43,7	92,4	282,2	143,5	97,2	94,2	115,5	46,2	28,1	25,8
Tháng 7	61,8	30,5	154,7	93,9	114,5	75,4	421,2	260,4	97,5	18,3
Tháng 8	60,2	59,3	88,2	172,6	99,4	99,2	57,5	34,1	383,0	128,0
Tháng 9	555,3	613,1	767,6	63,5	300,3	443,6	374,9	211,7	611,1	87,7
Tháng 10	1213,9	356,9	572,0	462,7	427,3	558,2	394,6	447,6	374,7	2.254,3
Tháng 11	523,8	210,4	518,3	381,9	482,1	483,2	648,0	287,7	382,2	615,7
Tháng 12	238,2	233,6	46,9	268,2	156,7	448,1	234,2	747,5	92,6	227,5

Nguồn: “Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2021”

e. Gió, bão

Các hướng gió thịnh hành là gió Đông Nam, Đông Bắc và đặc biệt là gió Tây Nam khô nóng, gió Đông Nam xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 01 năm sau. Gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 2 và kết thúc vào trung tuần tháng 9. Gió Tây Nam thịnh hành từ tháng 5 đến tháng 8. Trong các tháng này có nhiều ngày có gió, riêng tháng 6, 7 nhiều nơi 10 - 16 ngày có gió tốc độ lớn. Với hai mùa gió chính: là gió mùa Đông và gió mùa Hạ.

- Gió mùa Hạ: Gió Tây Nam khô nóng xuất hiện từ hạ tuần tháng 2 và kết thúc vào trung tuần tháng 9. Gió Tây Nam nơi khởi phát là vùng Vịnh Ben-gan (ở Nam Á, phía đông bắc Ấn Độ Dương) thổi về phía Đông. Sau khi gió thổi qua lãnh thổ Campuchia và Lào, gió gặp dãy Trường Sơn, không khí bị đẩy lên cao và lạnh

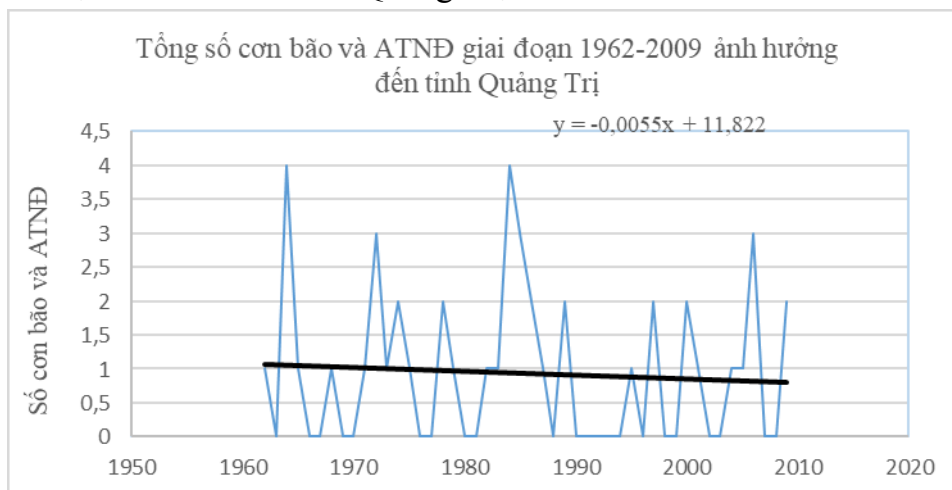
nên hầu hết hơi ẩm đều bị ngưng lại thành mưa trút xuống bên sườn phía Tây dãy núi. Khi thổi sang bên sườn núi phía Việt Nam, gió trở nên khô và nóng gọi là “gió Lào”. Gió Lào thường thổi thành từng đợt, đợt ngắn 2-3 ngày, có đợt 10-15 ngày, có khi kéo dài tới 20-21 ngày. Vận tốc gió trung bình qua các năm đạt trung bình 2m/s, vận tốc gió lớn nhất là 4,5 m/s. Trong một ngày, gió Lào thường bắt đầu thổi từ 8, 9 giờ sáng cho đến chiều tối, thổi mạnh nhất từ khoảng gần giữa trưa đến xế chiều. Khi có gió Lào thổi, nhiệt độ cao nhất vượt quá 37°C và độ ẩm xuống dưới 50% và Quảng Trị là tỉnh bị chịu ảnh hưởng nhiều nhất.

- Gió mùa Đông: thường có hướng Đông Bắc, loại gió này gây ảnh hưởng đến Quảng Trị theo từng đợt, mỗi đợt kéo dài từ 2 - 3 ngày, dài nhất từ 6 - 10 ngày. Khi không khí lạnh được gió Đông Bắc thổi vào thường làm cho nhiệt độ không khí giảm xuống và gây ra những đợt rét đậm, rét hại kéo dài.

Khu vực thường chịu ảnh hưởng của những cơn bão nhiệt đới của Miền Trung, Bão thường xuất hiện vào mùa mưa, kèm theo gió mạnh và lốc xoáy gây thiệt hại nghiêm trọng đến người và tài sản của người dân.

Một số thống kê những cơn bão đổ bộ vào khu vực như bão HOPE vào năm 1982, bão VERON, LYNN, SUSAN vào năm 1984, bão ANDY, CECIL vào năm 1985, bão DOM năm 1986.

Năm nhiều bão có thể có tới 3 cơn bão ảnh hưởng trực tiếp đến thời tiết của tỉnh Quảng Trị, trong khi có năm lại không có cơn bão nào đổ bộ trực tiếp hoặc tiếp cận khu vực bờ biển của tỉnh Quảng Trị.



Hình 3.1. Số lượng bão, áp thấp nhiệt đới ảnh hưởng đến tỉnh Quảng Trị

Bão thường xuất hiện vào mùa mưa, kèm theo gió mạnh và lốc xoáy gây thiệt hại nghiêm trọng đến người và tài sản của người dân. Trong khu vực dự án từ trước đến nay không xảy ra tình trạng lũ quét, chỉ chịu ảnh hưởng bởi mưa bão. Tác hại chủ yếu của bão là gây mưa lớn, lũ lụt, úng ngập, gió mạnh làm đổ cây cối, nhà cửa, gây thiệt hại lớn cho mùa màng và đời sống con người.

Ngoài ra, hàng năm tại khu vực còn chịu rất nhiều tác động do các đợt áp thấp nhiệt đới gây ra rất nhiều thiệt hại về người và tài sản cho người dân.

** Đặc điểm thủy văn*

Mạng lưới sông suối ở thị xã Quảng Trị khá nhiều, hàng năm mang một lượng phù sa lớn bồi đắp cho vùng đồng bằng của thị xã đặc biệt là các vùng đất canh tác ven sông Thạch Hãn.

Sông Thạch Hãn chảy qua giữa thị xã, đoạn qua thị xã Quảng Trị rộng 150 - 200m, có tác dụng điều hòa sinh thái về mùa hè cho thị xã và là tuyến giao thông đường thủy quan trọng nối liền thị xã Quảng Trị - Ba Lòng thuộc huyện Đakrông, thị trấn Cửa Việt và một số xã thuộc huyện Triệu Phong. Mặt khác, cũng là nơi khai thác nguồn cát sạn cho ngành xây dựng và phát triển nuôi cá lồng trên sông.

** Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải:*

- Sông Thạch Hãn đoạn tiếp giáp với khu vực dự án là nơi tiếp nhận nước thải của dự án.

- Sông Thạch Hãn có chiều dài 155 km, bắt nguồn từ dãy núi Trường Sơn ở phía Tây tỉnh Quảng Trị và đổ ra Biển Đông qua Cửa Việt. Dòng thượng nguồn của sông Thạch Hãn trên địa bàn huyện Đakrông có tên là sông Đakrông và đoạn qua thung lũng Ba Lòng còn được gọi là sông Ba Lòng. Sông có lưu lượng dòng chảy trung bình năm khoảng 130 m³/giây. Sông có 37 phụ lưu, diện tích lưu vực 2.660 km². Ba phụ lưu chính là sông Vĩnh Phước, sông Rào Quán và sông Cam Lộ (phần hạ nguồn gọi là sông Hiếu).

- Sông Thạch Hãn chảy qua phía Tây Nam thị xã Quảng Trị (thị xã được hình thành từ làng Thạch Hãn), đoạn rẽ nhánh của dòng Thạch Hãn là sông Vĩnh Định chảy qua phía Bắc thị xã, tại đây, sông bị chặn bởi đập An Tiêm nên lượng nước không lớn. Đoạn qua thị xã Quảng Trị sông rộng 150–200 m, là đường thủy nối liền Quảng Trị lên Ba Lòng, về Biển Đông (Cửa Việt).

- Về chất lượng nước: Qua kết quả quan trắc chất lượng môi trường nước sông giai đoạn năm 2016-2020 do Trung tâm Quan trắc TNMT thực hiện cho thấy: Chất lượng nước chỉ phù hợp cấp nước tưới tiêu chủ yếu tầng mặt, cần theo dõi độ mặn khi lấy nước vào thời điểm từ cuối tháng 3 đến tháng 8.

3.3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án:

Để đánh giá hiện trạng chất lượng các thành phần môi trường, Chủ dự án, đã hợp đồng với Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện lấy mẫu, phân tích tại phòng thí nghiệm. Kết quả như sau:

a. Chất lượng không khí và tiếng ồn:

- Ngày lấy mẫu:

+ Đợt 1: Ngày 24/07/2023.

+ Đợt 2: Ngày 25/07/2023.

+ Đợt 3: Ngày 26/07/2023.

- Vị trí lấy mẫu như sau: Tại khu vực trung tâm bãi tập kết. Tọa độ (X,Y): 1.851.010,87; 598.862,70

Bảng 3.7. Dữ liệu chất lượng môi trường không khí khu vực dự án

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích K _{NVT}			QCVN 05:2013/BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	
4	Bụi	µg/m ³	115,7	109,1	106,2	300
5	CO	µg/m ³	2.731	2.694	2.634	30.000
6	SO ₂	µg/m ³	65,1	62,5	61,1	350
7	NO ₂	µg/m ³	52,1	57,2	50,6	200
8	Tiếng ồn	dBA	57,9	54,2	52,6	70 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- QCVN 05:2013/BTNMT - QCKTQG về chất lượng không khí xung quanh;
 - (1) QCVN 26:2010/BTNMT - QCKTQG về tiếng ồn (tại khu vực thông thường từ 6 – 21 giờ);

Nhận xét: Qua bảng kết quả phân tích ở trên cho thấy: Các chỉ tiêu đánh giá hiện trạng chất lượng không khí đều nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT. Điều đó cho thấy chất lượng không khí tại khu vực chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm, chưa bị tác động nhiều bởi các hoạt động sản xuất kinh doanh.

b. Dữ liệu về môi trường nước mặt

- Ngày lấy mẫu:

+ Đợt 1: Ngày 24/07/2023.

+ Đợt 2: Ngày 25/07/2023.

+ Đợt 3: Ngày 26/07/2023.

- Vị trí lấy mẫu như sau: Tại khu vực sông Thạch Hãn đoạn qua khu vực dự án, tọa độ (X,Y): 1.850.985,72; 598.905,47.

Bảng 3.8. Bảng dữ liệu chất lượng môi trường nước mặt tại sông Thạch Hãn

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 08:2015/BTNMT			
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	A1	A2	B1	B2
1	pH	-	7,6	7,3	7,4	6÷8,5	6÷8,5	5,5÷9	5,5÷9
2	TSS	mg/l	22,0	23,0	21,5	20	30	50	100
3	COD	mg/l	14,2	15,4	17,3	10	15	30	50
4	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	8,15	8,24	9,36	4	6	15	25
5	Tổng dầu, mỡ	mg/l	<0,2	<0,2	<0,2	0,3	0,5	1	1

Ghi chú:

- QCVN 08-MT:2015/BTNMT- QCKTQG về chất lượng nước mặt; Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

Nhận xét: Kết quả dữ liệu chất lượng nước mặt trong bảng trên cho thấy: Giá trị pH nằm trong giới hạn trung tính; Chỉ tiêu TSS, BOD₅, COD đều nằm trong ngưỡng cho phép thể hiện nước sông chưa có dấu hiệu ô nhiễm bởi các hợp chất hữu cơ; Hầu hết các chỉ tiêu chất lượng nước mặt đều nằm trong giới hạn cho phép theo cột B1 QCVN 08-MT:2015/BTNMT, qua kết quả phân tích thì chất lượng nước sông Thạch Hãn được đánh giá là tương đối tốt và chưa bị tác động ô nhiễm bởi hoạt động phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

CHƯƠNG IV. ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

*** Nước mưa chảy tràn:**

- Nước mưa chảy tràn sẽ theo các mương thoát nước tạm xung quanh khuôn viên bãi tập kết.

- Các mương thoát nước có trải đá và có đê quai tạm bằng các bao cát để ngăn đất, đá, các chất lơ lửng cuốn theo dòng nước.

- Hạn chế tối đa việc rò rỉ dầu mỡ từ các phương tiện, máy móc thi công bằng cách che đậy hoặc chứa trong nhà có mái che khi có mưa.

- Thực hiện việc thay thế dầu nhớt, dầu máy, sửa chữa máy móc, phương tiện tại các gara sửa chữa để không làm phát sinh dầu mỡ thải trên bãi tập kết.

- Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần các tuyến thoát nước để ngăn ngừa rơi vãi làm tắc nghẽn đường thoát nước.

- Nghiêm cấm vứt rác bừa bãi, che chắn nguyên vật liệu tránh bị nước mưa cuốn trôi trong quá trình thi công các công trình của dự án.

*** Nước thải sinh hoạt:**

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công là không nhiều. Tuy nhiên, để hạn chế tối đa ảnh hưởng của của nước thải sinh hoạt tới môi trường, Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp:

- Ưu tiên sử dụng công nhân địa phương, có thể tự túc chỗ ăn ở để hạn chế lượng nước thải phát sinh.

- Do khối lượng, thời gian xây dựng ngắn nên chủ dự án sẽ thuê nhà vệ sinh của bãi tập kết bên cạnh để công nhân sinh hoạt trong thời gian thi công ở bãi tập kết.

- Khi áp dụng các biện pháp nêu trên thì mức độ tác động của nước thải sinh hoạt đến các thành phần môi trường xung quanh được giảm đi đáng kể. Khi thi công xong hạng mục nhà vệ sinh sẽ đưa vào sử dụng.

*** Nước thải từ quá trình xây dựng**

Nước thải từ quá trình xây dựng chủ yếu là nước vệ sinh dụng cụ, thiết bị xây dựng.

- Quá trình thi công tận dụng tối đa nguồn nước để phục vụ cho việc bảo dưỡng công trình. Chủ dự án sẽ quản lý chặt chẽ và yêu cầu đơn vị thi công áp dụng các biện pháp sau:

- Tiết kiệm nước trong quá trình trộn bê tông, vữa, hạn chế tối đa thất thoát ra môi trường.

- Tiến hành lót đáy các vị trí trộn vữa bê tông, xi măng để hạn chế nước trộn thấm vào đất, gây ô nhiễm môi trường.

4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

*** Chất thải rắn xây dựng**

- Chất thải rắn như vôi, vữa, gạch vỡ được thu gom tập trung và phân loại để có thể tái sử dụng hoặc sử dụng đắp đường...

- Bao bì xi măng, kim loại vụn, bìa carton sẽ được tận thu để bán phế liệu.

- Lượng rác thải còn lại không có khả năng tái chế, chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý.

*** Chất thải sinh hoạt:**

- Ưu tiên công nhân địa phương để hạn chế lượng chất thải phát sinh.

- Phổ biến cho công nhân các quy định về phân loại rác, bảo vệ môi trường.

- Bố trí 01 thùng đựng rác tại bãi tập kết với thể tích 60L để thu gom rác thải sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị thu gom rác sinh hoạt tại địa phương để thu gom, xử lý đúng quy định.

- Lập các nội quy về trật tự, vệ sinh và bảo vệ môi trường.

*** Chất thải nguy hại**

- Chất thải nguy hại giai đoạn này chủ yếu là dầu mỡ thải, dẻ lau dính dầu mỡ... sẽ được phân loại, thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy đặt tại khu vực có mái che.

- Định kỳ 6 tháng/lần liên hệ với đơn vị có chức năng để xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Chủ dự án sẽ quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi và khí thải là tác nhân ô nhiễm chính trong quá trình thi công. Nguồn gây ô nhiễm là từ các hoạt động thi công do phương tiện vận chuyển vật liệu xây dựng, hoạt động đào móng.

Các biện pháp sau được áp dụng để giảm thiểu:

- Thời gian vận chuyển tránh thời gian 6 – 8h và 16 – 19h (thời gian này có mật độ tương đối cao so với các thời điểm khác trong ngày).

- Bố trí mặt bằng, kế hoạch thi công hợp lý, thi công dứt điểm từng hạng mục, làm tới đâu thu dọn hiện trường và vệ sinh ngay tới đó;

- Cuối ngày làm việc bố trí công nhân thu dọn vệ sinh; đặc biệt là lổi ra vào bãi tập kết để hạn chế chất thải rắn và các vật liệu xây dựng vương vãi trong khu vực dự án;

- Tất cả các loại xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được

phép hoạt động. Khi chuyên chở vật liệu (xi măng, sắt thép, gạch ngói...) các xe vận tải phải được phủ bạt kín giảm phát tán bụi trên đường. Không sử dụng các loại xe vận chuyển quá cũ và không chở vật liệu rời quá tải;

- Các loại máy móc thiết bị thi công phải được kiểm tra, bảo dưỡng thường xuyên nhằm giảm lượng khí thải và tiếng ồn.

- Trang bị khẩu trang chống bụi cho công nhân thi công.

4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Khi thi công sử dụng các loại xe như: Máy ủi, máy xúc, máy trộn bê tông, các phương tiện chuyên chở vật tư sẽ hoạt động tạo nên ô nhiễm tiếng ồn cần:

- Hạn chế số lượng thiết bị thi công trong giới hạn tiếng ồn cho phép theo quy định;

- Bố trí thời gian làm việc hợp lý, tránh làm việc vào giờ nghỉ của dân cư, hạn chế vận chuyển vật liệu trên các tuyến giao thông vào giờ cao điểm, quy định tốc độ hợp lý cho các loại xe để giảm tối đa tiếng ồn phát sinh, đặc biệt khi đi qua khu dân cư. Ngoài ra, các máy móc gây ra tiếng ồn và rung lớn như máy ủi, máy xúc được bố trí làm việc vào ban ngày. Không hoạt động thi công vào ban đêm (từ 19h hôm trước đến 6h sáng hôm sau) và giờ nghỉ trưa (từ 11h30' đến 13h30');

- Trang bị dụng cụ chống ồn cho công nhân làm việc tại khu vực có độ ồn cao;

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị máy móc, xe đồng thời không sử dụng các loại đã cũ;

- Chống rung tại nguồn: Tùy theo từng loại máy móc cụ thể để có biện pháp khắc phục như: Kê cân bằng máy, lắp các bộ tắt chấn động lực, sử dụng vật liệu phi kim loại.

- Chống rung lan truyền: Dùng các kết cấu đàn hồi giảm rung (hộp dầu giảm chấn, gối đàn hồi, đệm đàn hồi kim loại, gối đàn hồi cao su,...), sử dụng các dụng cụ cá nhân chống rung,...

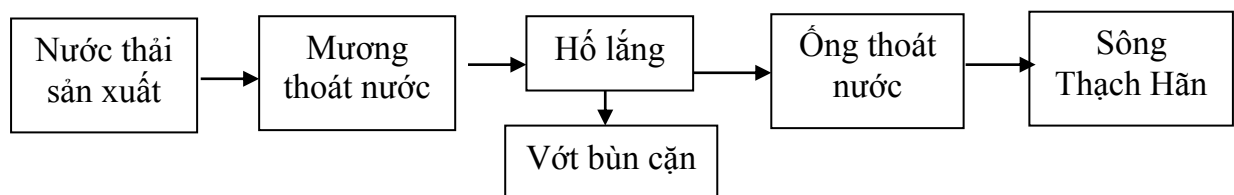
- Bố trí cự ly của các thiết bị có cùng độ rung để tránh cộng hưởng.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

*** Nước thải sản xuất**

- Nước thải sản xuất chủ yếu là nước thải từ hoạt động bơm hút cát, sỏi từ thuyền lên bãi tập kết.



Hình 4.1. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải bãi tập kết

- Lượng nước thải tùy thuộc vào công suất hoạt động của bên, tỷ lệ nước trong cát ướt khoảng 5%. Công suất 400 m³/ngày thì lượng nước thải là 20 m³/ngày làm việc.

- Nước thải sản xuất được thu gom theo hướng nghiêng địa hình của bãi tập kết về 01 hệ thống xử lý nước thải tại góc phía Đông Nam của dự án.

- Thể tích bể lắng được tính toán như sau:

$$V = Q \cdot d \text{ (m}^3\text{)}$$

Q: lưu lượng nước phát sinh 20 m³/ngày, thời gian phát sinh nước thải trong một ngày là 8 giờ thì lượng nước phát sinh tương đương khoảng 2,5 m³/giờ.

d: thời gian lắng là 2 giờ (thời gian lắng yêu cầu thiết kế là 1-2,5 giờ).

Như vậy, thể tích hồ lắng cần cần thiết là: 2,5 * 2 = 5 m³.

- Chủ dự án đầu tư 01 hệ thống thu gom xử lý nước thải tại góc phía Đông Nam bãi tập kết, hệ thống gồm:

+ Các tuyến kênh thoát nước (kênh thoát nước bằng đất có lót đá, rộng khoảng 0,5m, thành mương bố trí các rọ đá)

+ 01 hồ lắng, kích thước hồ (3m x 2,5 x 1,5m), kết cấu bằng tường xây gạch blo, đáy bằng bê tông, sau đó thoát ra sông Thạch Hãn bằng ống thoát nước PVC.

- Nước thải chứa chất rắn lơ lửng, bùn đất sau khi qua hệ thống rọ đá được giữ lại phần đất, cát, tạp chất; phần bùn đất còn lại được lắng lọc qua hồ lắng trong 2h, nước sau xử lý được dẫn ra sông Thạch Hãn, phần bùn, cát ở hồ lắng được định kỳ nạo vét, làm sạch (tần suất 05-15 ngày/lần, tùy thuộc vào mức độ tiêu thụ, tập kết cát sạn).

Ngoài ra, để tránh hiện tượng xe chở cát có nước chảy ra làm ướt đường và kéo theo bụi đất, đơn vị sẽ vun cát thành đống cho ráo nước trước khi xúc cát lên xe tải vận chuyển.

*** Nước mưa chảy tràn**

- Lưu lượng nước mưa lớn nhất có thể tính toán như sau: (Theo Giáo trình Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường – TS Lê Trình)

$$Q = 0,278 \cdot K \cdot I \cdot F$$

K: hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt, với đặc điểm là bề mặt đất trống, chọn K = 0,6;

I: lượng mưa tháng lớn nhất tại Trạm thủy văn Thạch Hãn có giá trị 645 mm

F: Diện tích khu vực là 2.243 m²

Nên lượng nước mưa chảy tràn lớn nhất là

$$Q = 0,278 \cdot 0,6 \cdot 645 \cdot 2.243 \cdot 10^3 = 241,3 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Nước mưa chảy tràn cuốn theo đất, cát, và các chất bẩn sẽ theo hướng nghiêng địa hình bãi tập kết về phía Đông Nam của Dự án ra sông Thạch Hãn. Để hạn chế các tác động tới môi trường do nước mưa chảy tràn gây ra: Chủ dự án đã thực hiện các giải pháp:

- Hệ thống thu gom nước mưa và nước mặt trong khuôn viên bãi tập kết theo thiết kế tự chảy. Xung quanh bố trí các tuyến kênh thoát nước (kênh thoát nước

bằng đất rộng khoảng 0,5m). Nước sẽ theo tuyến kênh thoát nước này chảy về hồ gom phía Đông Nam bãi tập kết để lắng cặn, sau đó thoát ra sông Thạch Hãn.

- Định kỳ Chủ dự án sẽ cho công nhân thu gom và nạo vét kênh mương để khơi thông dòng chảy.

- Bố trí các rọ đá xếp dọc mương thoát nước tạo tường bao để nước mưa không cuốn trôi đất, đá, cát;

- Thực hiện nghiêm túc thu gom chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại. Không để chúng rơi vãi trên bãi tập kết.

- Nước mưa chảy tràn theo kênh thoát nước thu gom về lắng cặn, đất, cát cuốn trôi tại hồ lắng trước khi thoát ra sông Thạch Hãn.

*** Nước thải sinh hoạt**

- Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của khoảng 05 CBCNV sẽ phát sinh một lượng nước thải có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Thành phần nước thải chủ yếu chứa các chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ và các vi sinh vật.

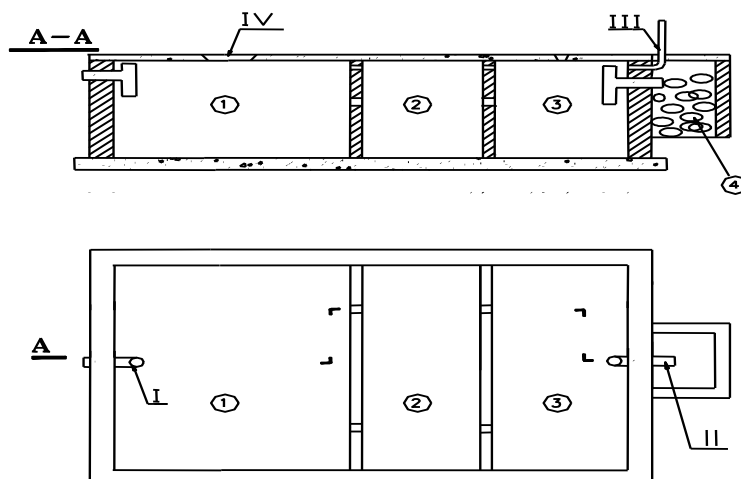
- Tải lượng nước thải sinh hoạt phát sinh: Nhu cầu sử dụng nước cho sinh hoạt của CBCNV với tiêu chuẩn cấp nước 100 lít/người/ngày. Với 05 công nhân thì lượng nước sử dụng là 0,5 m³/ngày; lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp là 0,5 m³/ngày.

- Chủ dự án xây dựng nhà vệ sinh diện tích 20m², có bể tự hoại 3 ngăn để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt trong bãi tập kết.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh được xử lý tại nhà vệ sinh thông qua bể tự hoại 3 ngăn. Chức năng của bể tự hoại ứng dụng phương pháp lắng và phân huỷ yếm khí nên cấu tạo của bể tự hoại gồm 2 phần: phần lắng và phần phân huỷ cặn.

- Nguyên lý hoạt động: Nước thải từ ngăn chứa 1 được dẫn qua ngăn thứ 2, tại đây quá trình phân huỷ kỵ khí xảy ra sẽ phân huỷ các chất hữu cơ có trong nước thải. Sau đó, nước thải được dẫn qua bể lắng cặn, tại ngăn này không có quá trình xáo trộn nên các chất rắn hữu cơ sẽ lắng xuống phần không thể lắng được lọc trước khi thấm qua bể lọc cát và thấm vào đất.

- Mô hình một bể tự hoại như sau:



Ghi chú:

- I- Ống nước vào
- II- Ống nước ra
- III- Ống thoát khí
- IV- Nắp vệ sinh
- 1. Ngăn chứa
- 2. Ngăn lên men
- 3. Ngăn lắng cặn
- 4. Ngăn lọc theo ống dẫn ra môi trường.

Hình 4.2. Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

Chất lượng môi trường nước thải sau khi qua hệ thống xử lý đạt yêu cầu (cột B), theo QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Định kỳ sẽ thuê Công ty cổ phần Công trình – Môi trường đô thị Quảng Trị thu gom vận chuyển đi xử lý. Không xả nước thải sinh hoạt ra môi trường.

4.2.2. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Đối với loại hình hoạt động của dự án bến bãi tập kết cát sỏi thì các nguồn chất thải phát sinh và tác động tới môi trường bao gồm: Bụi phát sinh từ hoạt động của bãi tập kết và bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển.

Đối với bụi: Theo tính toán của Tổ chức Y tế thế giới thì hệ số phát thải bụi phát sinh tối đa khoảng 100g/m³ đất cát san ủi, bốc xúc, Công suất hoạt động của bãi tập kết 400 m³/ngày. Sẽ làm phát sinh lượng bụi 40 kg bụi/ngày.

$$\text{Nồng độ trung bình (mg/m}^3\text{)} = \text{Tải lượng bụi (kg/ngày)} * 106/8/360/V \text{ (m}^3\text{)}$$

Ngày làm việc 8 giờ

Thể tích tác động lên dự án là $V=S*h$, Diện tích bãi là 2.243 m², Chiều cao tác động đến con người là $h=2$, $V= 2.243*2= 4.486 \text{ m}^3$

$$\text{Nồng độ bụi trung bình là: } 40*106/8/360/4.486 = 3,1 \text{ (mg/m}^3\text{)}$$

Bụi phát sinh từ hoạt động của bãi tập kết khi không có hệ thống khống chế ô nhiễm sẽ vượt quá giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT (nồng độ bụi trung bình là 0,3 mg/m³).

Khí thải sinh ra chủ yếu từ khí thải của xe vận chuyển vật liệu với các thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, SO_x, NO_x,...

Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để giảm bụi trong quá trình hoạt động:

- Các lái xe ra vào chở cát, sỏi phải tuân thủ các nội dung yêu cầu về tình trạng kỹ thuật xe, chấp hành đúng những quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tất cả các loại xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường mới được phép hoạt động.

- Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển đất, không chở quá thành xe, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe.

- Điều tiết các máy móc làm việc phù hợp tránh làm tăng nồng độ các chất ô nhiễm không khí.

- Đối với công nhân lao động tại hiện trường được trang bị đúng và đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi như kính mắt, khẩu trang, găng tay, nút bịt tai,... để đảm bảo sức khỏe lao động.

- Tổ chức đội thu gom cát, sạn rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển, đảm bảo thu dọn ngay khi làm rơi vãi, tránh nguy cơ gây tai nạn, mất mỹ quan và phát sinh bụi.

- Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng xe tải, máy móc. Vận tốc tối đa khi đi vào khu dân cư là 20 km/h, khoảng cách giữa các xe tối thiểu là 200 m.

- Bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn và thu gom rác thải hàng ngày.

- Vào những ngày khô nóng, bố trí vòi phun nước giảm bụi trên bãi tập kết và đường vào bãi.

4.2.3. Về công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

*** Chất thải rắn sinh hoạt:**

- Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của 05 CBCNV trên công trường; thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, cọng rau, xương, vỏ hoa quả, giấy vụn, các loại bao bì, vỏ hộp,...

- Chất thải rắn khối lượng không lớn khoảng 2,5 kg/ngày (trung bình một người một ngày thải ra 0,5 kg rác).

- Đối với các chất thải có khả năng tái chế như chai nhựa, lon bia, bao bì carton, phế liệu kim loại... sẽ được thu gom bán phế liệu.

- Đối với chất thải không có khả năng tái chế, Chủ dự án thu gom, tập trung vào thùng lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt 60L đặt tại nhà làm việc và định kỳ chuyển giao cho đơn vị thu gom xử lý của thị xã Quảng Trị.

- Bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn và thu gom rác thải hàng ngày.

*** Chất thải rắn sản xuất:**

- Bùn lắng từ hố lắng: chủ yếu là phù sa được Chủ dự án tập kết vào một khu vực trong khuôn viên bãi tập kết bán cho các cá nhân, hộ gia đình có nhu cầu san nền hoặc trồng cây...

- Hàng ngày ở bãi tập kết cát sỏi, lượng rơi vãi sẽ được công nhân dùng xẻng gom lại tránh hiện tượng thải tràn lan gây thất thoát cho Chủ dự án và làm mất mỹ quan khu vực.

*** Chất thải nguy hại:**

- Các chất thải nguy hại phát sinh từ nhà máy chủ yếu là dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu mỡ, bóng đèn huỳnh quang... Việc xử lý chất thải nguy hại hiện nay đang gặp nhiều khó khăn do ở địa bàn Tỉnh chưa có Đơn vị nào đủ năng lực xử lý. Để giảm thiểu phát sinh chất thải này, hoạt động sửa chữa máy móc thiết bị, thay dầu nhớt đều được thực hiện tại các Gara dịch vụ trên địa bàn. Trong trường hợp phát sinh ở khu vực Bãi tập kết do máy móc, phương tiện khai thác thì phải hạn chế tối thiểu việc rơi vãi xuống sông Thạch Hãn, những loại CTNH phát sinh sẽ thu gom tập trung lưu giữ trong thùng chứa chuyên dụng loại 120L đặt tại nhà làm việc; hợp đồng với đơn vị có năng lực vận chuyển đưa đi xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

- Không vận chuyển vào buổi trưa và buổi tối để không ảnh hưởng đến thời gian nghỉ ngơi của người dân.

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, vận hành đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định.

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, như không bố trí máy bơm cát sạn cùng lúc với máy xúc, máy ủi...

4.2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

*** Sự cố môi trường do cháy, nổ**

Giáo dục tuyên truyền ý thức và trách nhiệm phòng chống cháy nổ cho CBCNV, cần phải có các giải pháp kỹ thuật phòng chống cháy nổ theo quy định của Pháp luật. Cụ thể như sau:

- Hệ thống điện trong bãi phải được lắp đặt theo TCVN 5334-91: Quy phạm kỹ thuật an toàn trong thiết kế và lắp đặt.

- Các máy móc thiết bị làm việc phải đăng kiểm thường xuyên tại cơ quan chức năng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng.

- Chủ dự án xây dựng 01 bể chứa cháy 30m², để chứa nước phòng cháy chữa cháy.

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố do gặp mưa lũ:**

- Khu vực nhà làm việc tại bãi tập kết phải được xây dựng ở những nơi cao, xa sông Thạch Hãn, tránh bị nước lũ cuốn trôi.

- Lên kế hoạch, phương án phòng chống mưa lũ trước mùa mưa.

- Phải di chuyển toàn bộ máy móc, thiết bị ra khỏi khu vực bãi tập kết về nơi an toàn khi mùa mưa lũ đến.

- Thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết để nắm bắt tình hình mưa lũ.

*** Sự cố tai nạn lao động**

- Giáo dục ý thức của công nhân, công nhân phải được tập huấn về an toàn lao động trước khi thi công.

- Sử dụng công nhân thích hợp, lành nghề cho từng loại công việc.

- Định kỳ trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho CBCNV đồng thời giám sát, nhắc nhở công nhân phải mang theo bảo hộ lao động khi làm việc.

*** Tác động do bồi tích và độ ổn định của bờ sông**

- Gia cố bờ sông tại điểm xả thải.

- Luôn theo dõi diễn biến của quá trình bồi lắng, các hiện tượng sạt lở.

- Thực hiện việc bóc xếp cát, sỏi đảm bảo hạn chế tối đa việc thất thoát, rơi vãi gây bồi lắng.

- Việc neo đậu phương tiện vận chuyển cát, sỏi phải đảm bảo an toàn tránh va đập, bố trí thời gian làm việc hợp lý, không tập trung một lúc nhiều phương tiện vào cập bến.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để thực hiện ứng phó với các sự cố nếu có xảy ra.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng các công trình xử lý môi trường trong quá trình thi công xây dựng và đi vào hoạt động nhằm hạn chế tối đa tác động của Dự án đến chất lượng môi trường của khu vực.

Bảng 4.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
I. Giai đoạn thi công		
1.1	Nước thải	
-	Nước thải sinh hoạt	Thuê nhà vệ sinh của hộ kinh doanh lân cận
-	Nước mưa chảy tràn	Rãnh thoát nước hiện có, rãnh lót đá và có bao tải đất trên rãnh để cản đất, cát cuốn trôi theo dòng chảy
1.2	Bụi, khí thải	Lập phương án thi công hợp lý. Phủ bạt kín xe vận tải. Che chắn các bãi chứa vật liệu. Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc.
1.3	Chất thải rắn	Bố trí các thùng rác để thu gom CTRSH và CTNH. Chất thải có thể tái chế được thu gom, bán phế liệu. Chất thải không thể tái chế được vận chuyển, đổ thải theo đúng quy định.
II. Giai đoạn vận hành		
2.1	Nước thải	Hệ thống thu gom, thoát nước thải. Bể tự hoại, hố lắng.
2.2	Nước mưa chảy tràn	Hệ thống thoát nước mưa.
2.3	Chất thải rắn	Bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn và thu gom rác thải hàng ngày. Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, đổ thải và xử lý chất thải theo đúng quy định. Chất thải nguy hại được thu gom và xử lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
2.4	Khí thải	Tất cả các loại xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới phải đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng Kiểm. Sử dụng bạt che kín các thùng xe khi vận chuyển. Điều tiết các máy móc làm việc phù hợp. Đủ thiết bị bảo hộ lao động để chống ồn và bụi. Tổ chức đội thu gom cát, sạn rơi vãi trên các tuyến đường vận chuyển. Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng xe tải, máy móc.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Các đánh giá trong báo cáo được xây dựng trên cơ sở các thông tin thu thập từ quá trình điều tra, khảo sát thực tế tại khu vực Dự án, các thông tin từ báo cáo Chủ

trương đầu tư, các số liệu phân tích hiện trạng môi trường tại phòng thí nghiệm và các nguồn tài liệu liên quan khác có mức độ tin cậy cao.

Bảng 4.2. Nhận xét về mức độ tin cậy của các phương pháp

STT	Phương pháp	Mức độ tin cậy
1	Phương pháp liệt kê	- Liệt kê các hoạt động, các loại chất thải, các tối tượng bị tác động, quá trình nhận diện liệt kê được nghiên cứu kỹ lưỡng, các cán bộ kỹ thuật có kinh nghiệm, chuyên môn phù hợp nên có mức độ tin cậy cao.
2	Phương pháp đánh giá nhanh	- Sử dụng các mô hình tính toán đã được công nhận và các hệ số ô nhiễm của tổ chức WHO để tính toán tải lượng các chất ô nhiễm môi trường. - Phương pháp này sử dụng số liệu khá cũ mà hiện nay các công nghệ thay đổi hiện đại hơn, ít phát thải chất ô nhiễm hơn nên số liệu có mức độ tin cậy trung bình.
3	Phương pháp thống kê	- Các tài liệu, số liệu về khí tượng thủy văn đảm bảo nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đã được công nhận rộng rãi do đó có mức độ tin cậy cao.
4	Phương pháp lấy mẫu ngoài hiện trường và phân tích trong phòng thí nghiệm	- Trực tiếp điều tra, khảo sát tại hiện trường; - Các thiết bị lấy mẫu và phân tích các thông số môi trường hiện đại và đã được chứng nhận của cơ quan chức năng, do đó số liệu từ phương pháp này có mức độ tin cậy cao.
5	Phương pháp tổng hợp, so sánh	- Các số liệu từ phân tích thông số môi trường tại phòng thí nghiệm và các số liệu từ phương pháp đánh giá nhanh được tổng hợp và tiến hành so sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành để đánh giá mức độ ô nhiễm. Mức độ tin cậy cao.
6	Phương pháp thừa kế và tổng hợp tài liệu	- Kế thừa các nghiên cứu và báo cáo đã có, tham khảo các tài liệu, đặc biệt là tài liệu chuyên ngành liên quan đến Dự án. Mức độ tin cậy cao.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

*** Nguồn số 01: Nước thải sản xuất**

- Nguồn phát sinh nước thải sản xuất: Nước thải phát sinh từ hoạt động bơm cát từ thuyền lên bãi tập kết.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 20 m³/ngày đêm.

- Dòng nước thải: Dòng nước thải đề nghị cấp phép là dòng nước thải sau xử lý được chảy ra sông Thạch Hãn về phía Đông Nam dự án, thuộc Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: pH, TTS, BOD₅, COD, Tổng dầu mỡ.

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Khu vực ống xả phía Đông Nam bãi tập kết. Tọa độ (X: 1.850.980,15m, Y: 598.886,36m)

+ Phương thức xả thải: Tự chảy liên tục.

- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT – QCKTQG về nước thải công nghiệp, cụ thể như sau:

Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các thông số ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) (Kq=1, Kf=1,2)
1	pH	-	5,5-9
2	TSS	mg/l	120
3	BOD ₅	mg/l	60
4	COD	mg/l	180
5	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	12

*** Nguồn số 02: Nguồn phát sinh nước thải sinh hoạt.**

Đối với nước thải sinh hoạt của 05 CBCNV lượng rất nhỏ, khoảng 0,4 m³/ngày đêm (<5 m³/ngày đêm); nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn thể tích 6m³. Theo quy định đối với các nguồn thải nhỏ (<5m³/ngày đêm) và xử lý bằng bể tự hoại hợp khối thì được miễn đăng ký môi trường và miễn vận hành thử nghiệm.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải, tiếng ồn, độ rung:

Không có

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Dự án có các công trình xử lý chất thải:

- Hồ lắng của dự án hoạt động khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường (Bãi tập kết, kinh doanh cát sỏi).

- Công trình, thiết bị xử lý nước thải tại chỗ theo quy định tại Điều 53, Luật Bảo vệ môi trường: công trình bể tự hoại.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì công trình xử lý môi trường của dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Dự án không thuộc đối tượng lưu lượng xả thải lớn ra môi trường theo quy định tại Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Căn cứ tại Khoản 1,2 Điều 111 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 Dự án không thuộc đối tượng quan trắc nước thải tự động liên tục và quan trắc định kỳ.

CHƯƠNG VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với dự án Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Chủ dự án cam kết:

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường:

+ Đảm bảo vệ sinh môi trường bãi tập kết trong suốt quá trình hoạt động.

+ Môi trường nước: Nước thải sau khi xử lý đảm bảo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi xả ra nguồn tiếp nhận sông Thạch Hãn.

+ Toàn bộ lượng chất thải rắn sinh hoạt và phế liệu thải tại bãi tập kết được thu gom, phân loại và thuê đơn vị chuyên trách vận chuyển xử lý theo quy định.

+ Các loại CTNH phát sinh được tiến hành quản lý theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Bụi phát sinh tại các khu vực được chủ dự án sử dụng nước để phun, tưới dập bụi.

+ Chủ dự án cam kết duy trì vận hành thường xuyên các công trình xử lý chất thải.

Chủ dự án cam kết hoàn thành các hạng mục công trình xử lý môi trường và cam kết đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường trong khu vực kinh doanh cũng như môi trường xung quanh. Chủ dự án cam kết trang bị đầy đủ và đào tạo công nhân về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động để công nhân có điều kiện làm việc an toàn nhất. Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Thuyết minh báo cáo chủ trương đầu tư Dự án: Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi tại Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị;
- [2]. Assessment of sources of Air, Water and Land Pollution. Part I, World Health Organization, Geneva, 1993 (WHO, 1993);
- [3]. Báo cáo tổng hợp kết quả Quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Trị năm 2022 – Trung tâm Quan trắc TN&MT Quảng Trị ;
- [4]. Cục Thống kê tỉnh Quảng Trị, Niên giám thống kê tỉnh Quảng Trị năm 2021, Xuất bản 2022;
- [5]. Theo Giáo trình Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường – TS Lê Trình;
- [6]. Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ;
- [7]. Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- [8]. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

- Bản sao giấy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- Quyết định chủ trương đầu tư của dự án;
- Bản vẽ thiết kế cơ sở hoặc bản vẽ thiết kế thi công các công trình bảo vệ môi trường;
- Các phiếu kết quả đo đạc, phân tích mẫu môi trường ít nhất là 03 đợt khảo sát;
- Sơ đồ vị trí lấy mẫu của chương trình quan trắc môi trường;

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1495**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **14** tháng **7** năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày **14** tháng **7** năm 2023)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/06/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Xét văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ nộp lần đầu 30/3/2022, lần thứ hai ngày 15/7/2022, lần thứ 3 ngày 22/6/2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh và của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 252/BC-SKHĐT ngày 26 tháng 6 năm 2023 về Báo cáo thẩm định đầu tư xây dựng Bãi tập kết cát, sỏi tại Khu phố 1, phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị của Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư với nội dung như sau:

1. Nhà đầu tư

HỘ KINH DOANH NGUYỄN VĂN TỨ

Giấy Chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 30B8002558; Phòng tài chính kế hoạch thị xã Quảng Trị cấp ngày 27/10/2017.

Địa điểm kinh doanh: 225 Ngô Quyền, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Họ và tên đại diện hộ kinh doanh: Nguyễn Văn Tứ.

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 19/5/1992. Quốc tịch: Việt nam

Chứng minh nhân dân: 197280443; Ngày cấp: 12/11/2009; Nơi cấp: Công an tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Khu phố 1, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

Chỗ ở hiện tại: 225 Ngô Quyền, phường 3, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

2. Tên dự án: ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BÃI TẬP KẾT CÁT SỎI.

3. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)
1	Đầu tư xây dựng bãi tập kết cát, sỏi nhằm tập kết, mua bán các loại cát, sỏi đáp ứng nhu cầu về vật liệu, xây dựng, san lấp	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

4. Quy mô dự án:

- Diện tích đất dự kiến thực hiện: 2.243 m².

- Các hạng mục chính: đường bê tông xi măng 800m², bể nước chữa cháy 30m², nhà vệ sinh 20m²; Tổng diện tích xây dựng 850m², mật độ xây dựng 34%.

- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp: cát, sỏi.

5. **Vốn đầu tư:** :300.000.000đ (Bằng chữ: Ba trăm triệu đồng), trong đó: Vốn góp của nhà đầu tư chiếm 100%.

6. **Thời hạn hoạt động của dự án:** 50 năm kể từ ngày được cấp chủ trương đầu tư.

7. **Địa điểm thực hiện dự án:** Khu phố 1, Phường An Đôn, thị xã Quảng Trị, tỉnh Quảng Trị.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

8.1. Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

+ Vốn góp của Nhà đầu tư

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ	300.000.000		100	Tiền mặt	Ngay thời điểm đề xuất CTĐT

8.2. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình đi vào hoạt động:

- Quý II/2023: Thực hiện thủ tục về đầu tư.
- Quý III/2023 - Quý IV/2023: Thực hiện thủ tục về đất đai, khai thác.
- Quý I/2024: Hoàn thành dự án đi vào hoạt động.

9. Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng: không

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ:

a) Triển khai thực hiện dự án đúng tiến độ, địa điểm, quy mô, nội dung đã được điều chỉnh; Tuân thủ các quy định của Pháp luật hiện hành như: Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai, Luật Khoáng sản, Luật Xây dựng, Luật Thuế; các văn bản pháp luật khác có liên quan và các ý kiến tham gia thẩm định của các Sở, ngành và địa phương.

b) Chỉ được triển khai dự án sau khi thực hiện các nội dung sau: (i) Hoàn thành thủ tục về môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (ii) Thực hiện thủ tục giao đất, thuê đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan theo quy định.

c) Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, Hộ kinh doanh có trách nhiệm:

- Thực hiện thủ tục hoạt động bến thủy nội địa theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ Quy định về Quản lý hoạt động đường thủy nội địa.

- Hộ kinh doanh có các chính sách ưu tiên nguồn lao động trên địa bàn; các khoản thuế, phí, lệ phí; các chính sách liên quan hỗ trợ địa phương; các chính sách ASXH.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ liên quan cho chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan biết để quản lý và giám sát thực hiện dự án. Phối hợp với chính quyền địa phương công khai cho người dân về các thông tin liên quan đến dự án đối với người dân trong vùng ảnh hưởng nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên; Đặc biệt, xem xét kỹ lưỡng các tác động tiêu cực đến đời sống và sản xuất của người dân và có các biện pháp khắc phục triệt để. Thực hiện đúng phạm vi ranh giới như đã kiểm tra, xác nhận.

d) Thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư (bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư) theo quy định tại Điều 72, Luật Đầu tư và Điều 102, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP của Chính phủ; cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan vào Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư. Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; cung cấp các văn bản, tài liệu, thông tin liên quan đến nội dung kiểm tra, thanh tra, và giám sát hoạt động đầu tư cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có

thâm quyền. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không triển khai thực hiện được. Chịu trách nhiệm về những thiệt hại phát sinh từ hành vi kê khai thông tin không chính xác, giả mạo nội dung hồ sơ tài liệu. Cam kết thực hiện dự án theo tiến độ và sử dụng đất đúng mục đích.

e) Nếu dự án vi phạm quy định tại Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo UBND tỉnh xem xét chấm dứt dự án theo đúng quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo tiến độ và các nội dung đã cam kết sau khi được điều chỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu UBND tỉnh kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án;

c) Kiến nghị UBND tỉnh xem xét chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 48 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020 nếu dự án vi phạm các quy định theo quy định của pháp luật về đầu tư;

d) Định kỳ tổng hợp tình hình thực hiện dự án và báo cáo UBND tỉnh theo quy định tại Khoản 1 Điều 101 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Giám sát, quản lý, hướng dẫn Hộ kinh doanh thực hiện các quy định về đất đai, môi trường, tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai, môi trường của Hộ kinh doanh;

b) Phối hợp cung cấp thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư các nội dung liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, quản lý việc sử dụng đất để thực hiện dự án của nhà đầu tư;

c) Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên quan, báo cáo UBND tỉnh xử lý trong trường hợp việc thi công, vận hành của dự án ảnh hưởng đến môi trường, sinh kế của người dân trong khu vực dự án.

4. UBND thị xã Quảng Trị:

- Hoàn trả kinh phí giải phóng mặt bằng cho Công ty Cổ phần Thiên Phú theo đúng quy định.

- Hướng dẫn, hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện triển khai dự án; phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan liên quan thực hiện giám sát, quản lý, nắm bắt tình hình và đôn đốc nhà đầu tư thực hiện dự án theo đúng địa điểm, diện tích, mục tiêu và tiến độ đã cam kết. Kịp thời thông tin cho các cơ quan liên

5. Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn được phân công quản lý, có trách nhiệm thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đầu tư đối với dự án theo quy định của pháp luật.

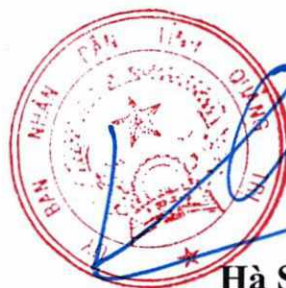
Điều 3. Điều khoản thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông Vận tải, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Chủ tịch UBND thị xã Quảng Trị, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan và Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
3. Quyết định này được cấp một bản cho Hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Trị./.

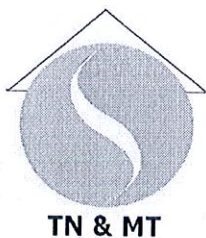
Nơi nhận:

- Như khoản 2, 3 Điều 3;
- Chủ tịch, PCT Hà Sỹ Đồng;
- Lưu: VT, KTTuấn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Sỹ Đồng



TN & MT

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K1635- BH1290823

1. Tên khách hàng: Ông Nguyễn Văn Tứ
2. Địa chỉ: Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
4. Ngày nhận mẫu: 24/07/2023
5. Ngày phân tích: 24/07/2023 ÷ 31/07/2023
6. Loại mẫu: Không khí + Ôn Số lượng mẫu: 01
7. Ký hiệu mẫu: K_{NVT}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 05
1.	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	115,7	300
2.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	65,1	350
3.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	52,1	200
4.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	PTK.04:2020	2731	30.000
5.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	57,9	70 ^(A)

Ghi chú: Hệ tọa độ sử dụng theo yêu cầu của khách hàng là VN-2000

+ QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Bãi tập kết cát, sỏi của hộ ông Nguyễn Văn Tứ, Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.

+ Tại điểm nằm trong khu vực dự án. Tọa độ: $X(m) = 1851010.87$; $Y(m) = 598862.70$

QA/QC

P.Trưởng PTN

Ngày 31 tháng 7 năm 2023

Giám đốc



CN: Phan Thị Thủy

ThS: Nguyễn Thị Trang

Phạm Anh Tuấn

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



TN & MT

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K1636- BH1290823

1. Tên khách hàng: Hộ ông Nguyễn Văn Tứ
2. Địa chỉ: Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
4. Ngày nhận mẫu: 25/07/2023
5. Ngày phân tích: 25/07/2023 ÷ 01/08/2023
6. Loại mẫu: Không khí + Ôn Số lượng mẫu: 01
7. Ký hiệu mẫu: KNVT

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 05
1.	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	109,1	300
2.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	62,5	350
3.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	57,2	200
4.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	PTK.04:2020	2694	30.000
5.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	54,2	70 ^(A)

Ghi chú: Hệ tọa độ sử dụng theo yêu cầu của khách hàng là VN-2000

+ QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Bãi tập kết cát, sỏi của hộ ông Nguyễn Văn Tứ, Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.

+ Tại điểm nằm trong khu vực dự án. Tọa độ: $X(m) = 1851010.87$; $Y(m) = 598862.70$

QA/QC

CN: Phan Thị Thủy

P.Trưởng PTN

ThS: Nguyễn Thị Trang

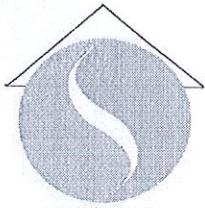
Ngày 01 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



TN & MT

CÔNG TY TNHH 1TV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphanthich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: K1637- BH1290823

1. Tên khách hàng: Hộ ông Nguyễn Văn Tứ
2. Địa chỉ: Khu phố 1, Phường An Đông, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.
3. Vị trí đo, lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
4. Ngày nhận mẫu: 26/07/2023
5. Ngày phân tích: 26/07/2023 ÷ 02/08/2023
6. Loại mẫu: Không khí + Òn Số lượng mẫu: 01
7. Ký hiệu mẫu: KNVT

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 05
1.	Bụi TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5067:1995	106,2	300
2.	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 5971:1995	61,1	350
3.	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	TCVN 6137:2009	50,6	200
4.	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	PTK.04:2020	2634	30.000
5.	Tiếng ồn*	dBA	TCVN 7878-2:2018	52,6	70 ^(A)

Ghi chú: Hệ tọa độ sử dụng theo yêu cầu của khách hàng là VN-2000

+ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí xung quanh (trung bình 1 giờ);

- (1): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Bãi tập kết cát, sỏi của hộ ông Nguyễn Văn Tứ, Khu phố 1, Phường An Đông, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.

+ Tại điểm nằm trong khu vực dự án. Tọa độ: X(m) = 1851010.87; Y(m) = 598862.70

Ngày 02 tháng 8 năm 2023

QA/QC

P.Trưởng PTN

CN: Phan Thị Thủy

ThS: Nguyễn Thị Trang



Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



TN & MT

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M646 - BH1290823

- 1. Tên khách hàng: Hộ ông Nguyễn Văn Tứ
- 2. Địa chỉ: Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.
- 3. Vị trí lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
- 4. Ngày nhận mẫu: 24/07/2023
- 5. +Ngày phân tích: 24/07/2023 ÷ 31/07/2023
- 6. Loại mẫu: Nước Số lượng mẫu: 01
- 7. Ký hiệu mẫu: M_{NVT}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 08
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,6	6,0-8,5
2.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2023	8,15	15
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	14,2	30
4.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	22,0	50
5.	Tổng dầu, mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2023	<0,2	1

Ghi chú: "-": Không quy định trong quy chuẩn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Bãi tập kết cát, sỏi của hộ ông Nguyễn Văn Tứ, Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.

+ Tại sông Thạch Hãn, điểm giáp với khu vực bãi tập kết.

Toạ độ: X = 1850985.72; Y = 598905.47.

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

Toạ độ sử dụng VN - 2000 theo yêu cầu của khách hàng.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023

QA/QC

P.Trưởng PTN

Giám đốc

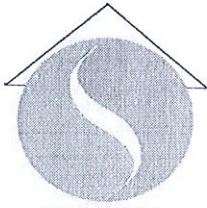


CN: Phan Thị Thủy

ThS: Nguyễn Thị Trang

Chú thích:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	



TN & MT

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M647 - BH1290823

- Tên khách hàng: Hộ ông Nguyễn Văn Tứ
- Địa chỉ: Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.
- Vị trí lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
- Ngày nhận mẫu: 25/07/2023
- Ngày phân tích: 25/07/2023 ÷ 01/08/2023
- Loại mẫu: Nước Số lượng mẫu: 01
- Ký hiệu mẫu: M_{NVT}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 08
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,3	6,0-8,5
2.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2023	8,24	15
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	15,4	30
4.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	23,0	50
5.	Tổng dầu, mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2023	<0,2	1

Ghi chú: "-": Không quy định trong quy chuẩn.

- Vị trí đo, lấy mẫu: Bãi tập kết cát, sỏi của hộ ông Nguyễn Văn Tứ, Khu phố 1, Phường An Đôn, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.

+ Tại sông Thạch Hãn, điểm giáp với khu vực bãi tập kết.

Toạ độ: X = 1850985.72; Y = 598905.47.

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

Toạ độ sử dụng VN - 2000 theo yêu cầu của khách hàng.

QA/QC

CN: Phan Thị Thủy

P.Trưởng PTN

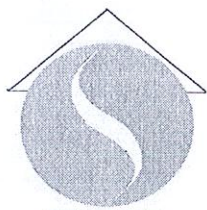
ThS: Nguyễn Thị Trang

Ngày 01 tháng 8 năm 2023



Chú thích:

- | | |
|--|--|
| - Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích | - (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp |
| - Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp. | |
| - Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường. | |
| - Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này. | |



TN & MT

CÔNG TY TNHH ITV KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Tầng 4, Số 236 - Võ Nguyên Hiến - TP. Vinh - Nghệ An
Điện thoại: 0932.492.499 Email: phongphantich236@gmail.com VILAS 499 VIMCERTS 004

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: M648 - BH1290823

- Tên khách hàng: Hộ ông Nguyễn Văn Tứ
- Địa chỉ: Khu phố 1, Phường An Đông, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.
- Vị trí lấy mẫu: Do phòng hiện trường cung cấp
- Ngày nhận mẫu: 26/07/2023
- Ngày phân tích: 26/07/2023 ÷ 02/08/2023
- Loại mẫu: Nước Số lượng mẫu: 01
- Ký hiệu mẫu: M_{NVT}

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp	Kết quả	QCVN 08
1.	pH*	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,0-8,5
2.	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B:2023	9,36	15
3.	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2023	17,3	30
4.	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	21,5	50
5.	Tổng dầu, mỡ	mg/l	SMEWW 5520B:2023	<0,2	1

Ghi chú:

- Vị trí đo, lấy mẫu: Bãi tập kết cát, sỏi của hộ ông Nguyễn Văn Tứ, Khu phố 1, Phường An Đông, Thị xã Quảng Trị, Tỉnh Quảng Trị.

+ Tại sông Thạch Hãn, điểm giáp với khu vực bãi tập kết.

Toạ độ: X = 1850985.72; Y = 598905.47.

+ QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

Cột B1- Dùng cho mục đích tưới tiêu, thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc các mục đích sử dụng như loại B2.

Toạ độ sử dụng VN - 2000 theo yêu cầu của khách hàng.

QA/QC

CN: Đặng Thị Thu Hiền

P.Trưởng PTN

ThS: Nguyễn Thị Trang

Ngày 02 tháng 8 năm 2023



Chú thích:

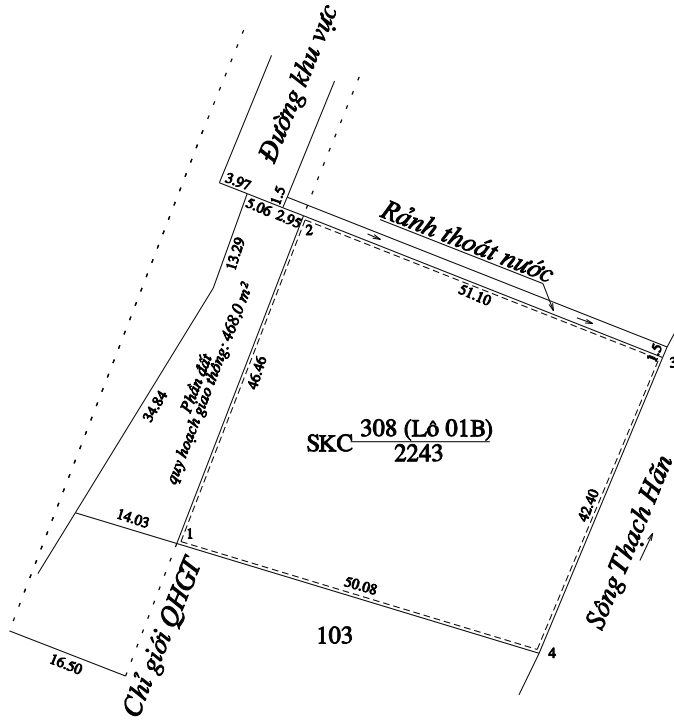
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu tại thời điểm đo - phân tích	- (*) kết quả đo tại hiện trường do phòng quan trắc hiện trường cung cấp
- Thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu mà khách hàng cung cấp.	
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được đồng ý của Công ty TNHH ITV Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường.	
- Sau 5 ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi PTN sẽ hủy mẫu theo quy định, không giải quyết việc khiếu nại kết quả TN sau này.	

BẢN ĐỒ THỬA ĐẤT

Tỷ lệ: 1/ 1000

Tên công trình: Bãi tập kết cát sỏi của hộ kinh doanh Nguyễn Văn Tứ

Đo đạc chỉnh lý từ tờ bản đồ địa chính số 12, thửa số 308; tỷ lệ 1/ 1000 của phường An Đông, thị xã Quảng Trị



BẢNG KÊ TỌA ĐỘ
Theo hệ tọa độ VN 2000

Số hiệu điểm góc	X (m)	Y (m)	S (m)
1	1850994.04	598837.81	46.46
2	1851037.37	598854.57	51.10
3	1851018.64	598902.11	42.40
4	1850979.53	598885.74	50.08
1	1850994.04	598837.81	

CHÚ DẪN

Ranh giới thửa đất hiện có: _____

Ranh giới thuê đất: _____

Diện tích thuê đất: 2243,0 m²

CHỦ SỬ DỤNG

Ngày / / 2022

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN

Ngày / / 2022

P.GIÁM ĐỐC

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ
THỊ XÃ QUẢNG TRỊ

Ngày / / 2022

P.TRƯỞNG PHÒNG

MỘT SỐ HÌNH ẢNH CỦA DỰ ÁN



Thảm thực vật trong khu vực Dự án



Khu tập kết cát trong khu vực Dự án



Khu tập kết sỏi trong khu vực Dự án



Nhà nghỉ CN trong khu vực Dự án



Sông Thạch Hãn đoạn qua Dự án

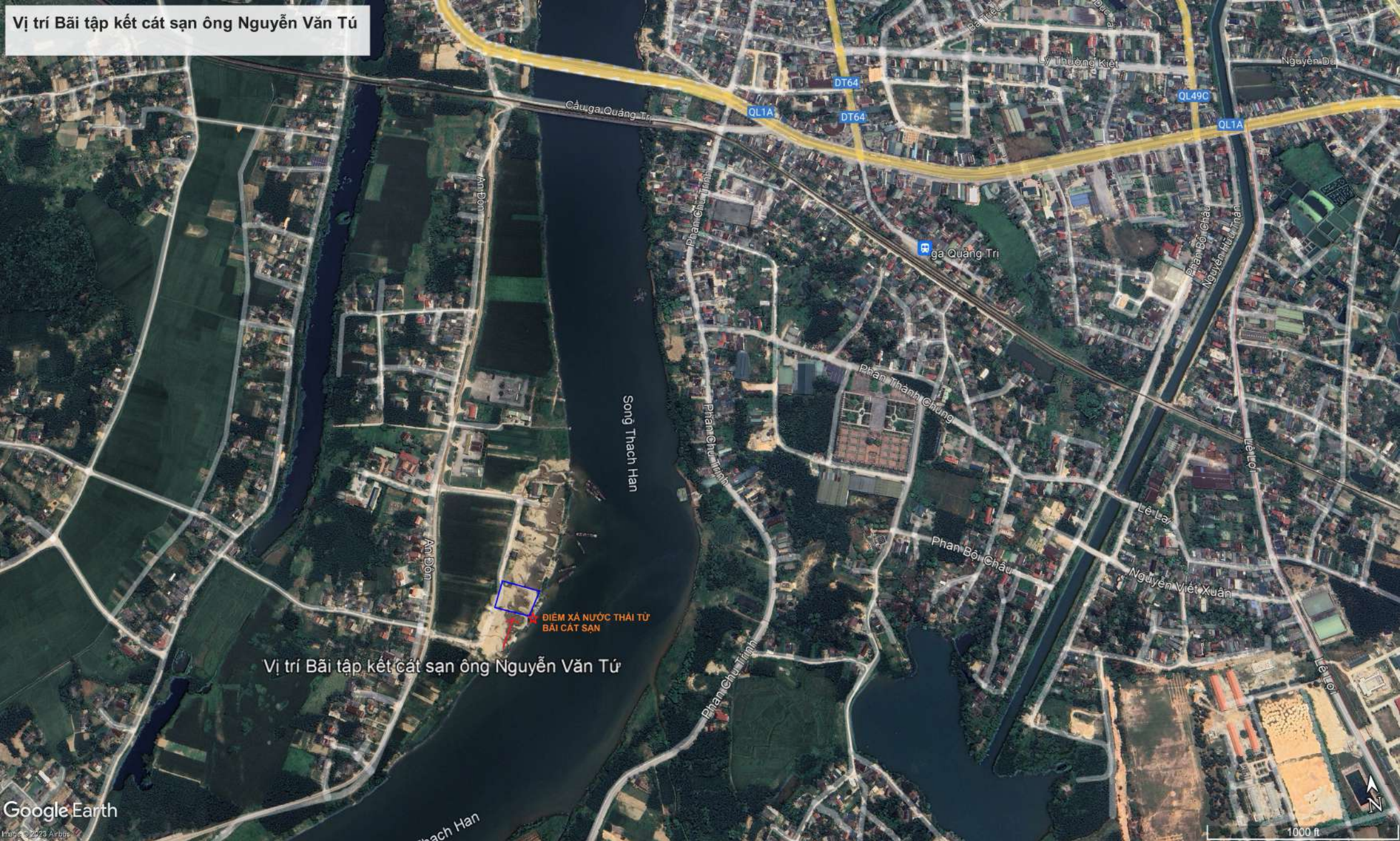


Đường vào khu vực Dự án



Mương thoát nước hiện trạng

Vị trí Bãi tập kết cát sạn ông Nguyễn Văn Tú



Vị trí Bãi tập kết cát sạn ông Nguyễn Văn Tú

ĐIỂM XÁ NƯỚC THẢI TỪ
BÀI CÁT SẠN